|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT**  **KHOA CNTT**  **BỘ MÔN MẠNG & CÁC HTTT** | **ĐỀ THI MÔN LẬP TRÌNH TBDĐ**  **Thời gian: 60 phút**  **(Được sử dụng tài liệu)**  **Đề Thi Mẫu**  ***Đề thi áp dụng từ tháng 06/2021*** |  | |
| Thông tin liên lạc gồm: Id - kiểu số nguyên, Tên - kiểu chuỗi, Số điện thoại - kiểu chuỗi lưu trữ trong cơ sở dữ liệu SQLite. Hãy tạo một dự án Android với tên được đặt theo cấu trúc: HoTen\_MaSV, thiết kế giao diện và thực hiện các yêu cầu dưới đây: | | | |
| **Câu hỏi** | | **Điểm** | **Ghi chú** |
| 1. Tạo lớp Contact\_TenSV với các fields, constructor, getter, setter | | 1 |  |
| 2. Tạo CSDL SQLite với tên là HoTenSV\_Sqlite, tên bảng là Contact\_TenSV, đồng thời nhập 6 dữ liệu mẫu trong đó có dữ liệu mẫu có thông tin là Tên sinh viên, là bản ghi thứ 4 thêm vào SQLite | | 2 |  |
| 3. Chương trình khởi động sẽ hiển thị danh sách các Contact dạng ListView hoặc RecycleView với lớp adapter có tên là HoTenSV\_Adapter. Danh sách được sắp xếp theo thứ tự tăng dần về Tên | | 2.5 |  |
| 4. Khi nhấn vào nút “Add” sẽ mở ra màn hình để nhập thông tin cho Contact mới. Trong đó dòng “Information detail” được thay thế bằng Họ tên sinh viên | | 2 |  |
| 5. Tại Màn hình “Information detail”:  - Nút “Add” cho phép thêm Contact vào SQLite, đồng thời cập nhật lại ListView  - Nút “Back” đóng màn hình hiện tại. | | 2  0.5 |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT**  **KHOA CNTT**  **BỘ MÔN MẠNG & CÁC HTTT** | **ĐỀ THI MÔN LẬP TRÌNH TBDĐ**  **Thời gian: 60 phút**  **(Được sử dụng tài liệu)**  **Đề Mẫu**  ***Đề thi áp dụng từ tháng 06/2021*** |  | |
| Thông tin liên lạc gồm: Id - kiểu số nguyên, Tên - kiểu chuỗi, Số điện thoại - kiểu chuỗi lưu trữ trong cơ sở dữ liệu SQLite. Hãy tạo một dự án Android với tên được đặt theo cấu trúc: HoTenSV\_NgaySinh, thiết kế giao diện và thực hiện các yêu cầu dưới đây: | | | |
| **Câu hỏi** | | **Điểm** | **Ghi chú** |
| 1. Tạo lớp Contact\_MaSV với các fields, constructor, getter, setter | | 1 |  |
| 2. Tạo CSDL SQLite với tên là TenSV\_Sqlite, tên bảng là Contact\_MaSV, đồng thời nhập 6 dữ liệu mẫu trong đó có dữ liệu mẫu có thông tin là Tên sinh viên, là bản ghi thứ 5 thêm vào SQLite | | 2 |  |
| 3. Chương trình khởi động sẽ hiển thị danh sách các Contact dạng ListView hoặc RecycleView với lớp adapter có tên là TenSV\_Adapter. Danh sách được sắp xếp theo thứ tự tăng dần về Tên | | 2.5 |  |
| 4. Khi nhấn lâu vào một phần tử trong ListView sẽ xuất hiện ContextMenu gồm 02 items: TenSV\_Edit, TenSV\_Delete. Khi nhấn chọn TenSV\_Delete sẽ mở Dialog hỏi lại người dùng với dòng chữ “Are you sure to delete?” được thay thế bằng “Họ tên sinh viên wants to detele?” | | 2 |  |
| 5. Tại Màn hình “Confirm”:  - Nút “Ok” cho phép xóa Contact khỏi SQLite và ListView (2 điểm);  - Nút “Cancel” đóng Dialog (0.5 điểm). | | 2  0.5 |  |